TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THẠNH** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/DS-ST
Ngày: 16-5-2025
V/v *" Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và đòi tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Nhật Trường***;*

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Bích Ngọc**

2. Bà **Trần Thị Nguyệt Quế.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thạch** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh tham gia phiên tòa: Bà **Khổng Phúc Vĩnh Nhật** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2025/QĐST-DS, ngày 29 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty cổ phần S Có Ngay**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Kanokwtpaisal N.**

Địa chỉ: số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Lê Thành T**, sinh năm 1999

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Theo văn bản ủy quyền ngày 29/4/2025

Bị đơn: Bà **Đỗ Thị T1**, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

(Ông T có mặt, bà T1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T trình bày và yêu cầu:

Vào ngày 24/12/2022, bà Đỗ Thị T1 có đến Chi nhánh Thốt Nốt của Công ty TNHH S1 (Đăng ký thay đổi đăng ký hoạt động lần 2 thành Công ty cổ phần S Có Ngay ngày 24/01/2024) ký Hợp đồng cầm cố số TNM221201008NA21X tài sản là 01 xe mô tô HONDA, biển kiểm soát 65L1-396.72, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000968, do Công an thành phố C cấp ngày 23/02/2021, để lấy số tiền 14.300.000 đồng (Mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng), lãi suất 1,1%/tháng, thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ ngày 24/12/2022 đến ngày 24/12/2023). Theo hợp đồng cấm cố đã ký, Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền nêu trên cho bà Đỗ Thị T1.

Do có nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho bà Đỗ Thị T1 mượn lại xe sử dụng. Trong giấy mượn xe có quy định rõ thời gian mượn xe 30 ngày từ ngày 24/12/2022 đến ngày 24/01/2023, địa điểm trả xe là Chi nhánh Thốt Nốt của Công ty TNHH S1. Bà Đỗ Thị T1 đã ký cam kết trong giấy mượn xe: "Hoàn trả tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận.

Quá trình cầm bà Đỗ Thị T1 chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng do chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng, đến nay đã quá hạn hợp đồng nhưng bà Đỗ Thị T1 không trả nợ và trả lại xe máy. Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà nhưng bà Đỗ Thị T1 đều lẫn tránh, không gặp.

Nay Công ty cổ phần S Có Ngay yêu cầu bà Đỗ Thị T1 phải trả lại chiếc xe mô tô, xe mô tô HONDA, biển kiểm soát 65L1-396.72, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000968 theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã đăng ký với Chi nhánh T3 - Công ty TNHH S1 số TNM221201008NA21X ngày 24/12/2022. Trường hợp bà Đỗ Thị T1 không trả lại xe cầm cố thì bà Đỗ Thị T1 phải thanh toán số tiền tính đến ngày 16/5/2025 số tiền 18,443,018 đồng (Mười tám triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn không trăm mười tám đồng), trong đó: Tiền gốc: 13,209,596 đồng; Tiền lãi trong hạn: 1,593,518 đồng; Tiền lãi quá hạn 150%: 3,639,904 đồng. Tại bản khai ngày 16/05/2025 và tại phiên tòa, phía nguyên đơn rút yêu cầu bị đơn trả xe, rút lại yêu cầu khoản phí quản lý hồ sơ, phí mượn, phí phạt vi phạm và yêu cầu trả lại xe, giữ nguyên yêu cầu bị đơn trả tiền gốc và lãi.

Bị đơn bà T1 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà không đến Tòa tham gia hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn

số tiền còn nợ 18,443,018 đồng (Mười tám triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn không trăm mười tám đồng), trong đó: Tiền gốc: 13,209,596 đồng; Tiền lãi trong hạn: 1,593,518 đồng; Tiền lãi quá hạn 150%: 3,639,904 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi thánh toán xong số nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Công Ty Cổ Phần S Có Ngay yêu cầu bà Đỗ Thị T1 phải thanh toán cho Công Ty Cổ Phần S Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày 16/05/2025 là 18,443,018 đồng (Mười tám triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn không trăm mười tám đồng), trong đó: Tiền gốc: 13,209,596 đồng; Tiền lãi trong hạn: 1,593,518 đồng; Tiền lãi quá hạn 150%: 3,639,904 đồng. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và đòi tài sản. Bị đơn bà T1 hiện tại vẫn đang đăng ký thường trú tại ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ theo quy định tại Điều 26, 35, và 39 Bộ luật Tố tụng dân sựnăm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bà T1 đã được Tòa án tống đạt các thông báo thụ lý và hòa giải kiểm tra chứng cứ và giai đoạn đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật. Nên Tòa án căn cứ theo quy định Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sựhành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện về buộc bị đơn phải thanh toán phí mượn xe phí quản lý hồ sơ, phí phạt vi phạm và yêu cầu trả xe. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại Hợp đồng cầm cố số căn cứ hợp đồng cầm cố số TNM221201008NA21X ngày 24/12/2022 được ký giữa bà Đỗ Thị T1 với Công T2 là Hợp đồng cầm cố số tiền 14.300.000 đồng, thời hạn cầm cố 12 tháng. Mục đích cầm cố phục vụ tiêu dùng cá nhân ngày giải ngân ngày 24/12/2022. Lãi suất cầm cố 1.1%/tháng; Lãi suất quá hạn bằng 150% trên lãi suất trong hạn. Theo đó bà T1 được Công ty giải ngân số tiền 14.300.000 đồng, từ ngày 24/12/2022. Quá trình ký kết hợp đồng bà T1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết vi phạm thời gian trả nợ và tài sản. Tính đến ngày 16/5/2024 bà T1 còn nợ

là 18.443.018 đồng (Mười tám triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn không trăm mười tám đồng), trong đó: Tiền gốc: 13.209.596 đồng; Tiền lãi trong hạn: 1.593.518; Tiền lãi quá hạn 150%: 3.693.904,609 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Xét các hợp đồng giữa 02 bên hoàn toàn tự nguyện thực hiện đúng quy định về nội dung và hình thức của các hợp đồng, nên các hợp đồng có giá trị và hợp pháp.

Thỏa thuận tại Hợp đồng có nội dung: *"... Nếu quá hạn Bên B cam kết ngoài số tiền thanh toán quy định của Hợp đồng cầm cố còn phải chấp nhận thanh toàn phí trả chậm tương đương 150% lãi suất quy định "* nên theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì yêu cầu của nguyên đơn tính phí do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là có cơ sở đề Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc bà Đỗ Thị T1 có nghĩa vụ trả cho Công ty S Có Ngay số tiền 18.443.018 đồng (Mười tám triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn không trăm mười tám đồng), trong đó: Tiền gốc: 13.209.596 đồng; Tiền lãi trong hạn: 1.593.518; Tiền lãi quá hạn 150%: 3.693.904,609 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019; Điều 280; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thưởng vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Buộc bà Đỗ Thị T1 thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền 18.443.018 đồng (Mười tám triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn không trăm mười tám đồng), trong đó: Tiền gốc: 13.209.596 đồng; Tiền lãi trong hạn: 1.593.518; Tiền lãi quá hạn 150%: 3.693.904,609 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các khoản phí quản lý hồ sơ, phí mượn xe phí phạt vi phạm và yêu cầu trả xe.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm

Bà Đỗ Thị T1 phải chịu 922.000 đồng (Chín trăm hai mươi hai ngàn đồng) án phí sơ thẩm.

Công ty Cổ phần S Có Ngay được nhận lại 757.000 đồng (B trăm năm mươi bảy ngàn đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lại thu số 0003819 ngày 25/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thì hình theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thì hình án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKS huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi THA dân sự huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Nhật Trường